

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2017

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Điền;

2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 - 9 - 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2017/TLST-HN ngày 14 tháng 3 năm 2017 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63A/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Minh N, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ M, khóm V, phường H, thành phố Đ, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh năm 1959; địa chỉ: tổ M, khóm V, phường H, thành phố Đ, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2017 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Minh N trình bày: Bà N và ông Nguyễn Tuấn Kiệt tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994, không đăng ký kết hôn.

Trong cuộc sống chung, bà N và ông K luôn xảy ra mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp. Ông K đã bỏ nhà đi từ năm

2003. Bà N yêu cầu được ly hôn ông K.

Trong thời gian sống chung, bà N và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông K vắng mặt.

Tại phiên tòa:

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, được Tòa án chấp nhận. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do. Nên việc xét xử vắng mặt họ đảm bảo quy định tại các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Hôn nhân giữa bà N và ông K do tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1994, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận bà N và ông K là vợ chồng.

Về con chung đã trưởng thành nên không đề cập.

Tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án* Bà Ngô Minh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tuấn Kiệt. Đồng thời, ông K có cư trú tại số nhà 86 đường Cử Trị, khóm Vĩnh Phú, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* nguyên đơn bà Ngô Minh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Tuấn Kiệt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, trong quá trình giải quyết vụ án, bà N đã có lời khai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Ngô Minh N trình bày bà N và ông Nguyễn Tuấn Kiệt chung sống với nhau vào năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo kết quả xác minh ngày 31/8/2017 của Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xác định, qua tra cứu sổ đăng ký kết hôn từ năm 1994 đến nay, không tìm thấy tên bà Ngô Minh N, sinh năm 1964 đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh năm 1959.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định, bà N và ông K chung sống với nhau năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà Ngô Minh Nguyễn và ông Nguyễn Tuấn Kiệt có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đề cập đến.

[3] Về tài sản và nợ chung: Bà N khai trong thời gian chung sống giữa bà N và ông K không có nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà N đã nộp.

Ông K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Ngô Minh N và ông Nguyễn Tuấn Kiệt là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Minh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007290 ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Tuấn Kiệt không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bà Ngô Minh N và ông Nguyễn Tuấn Kiệt là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc